

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020/MFS

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật MobiFone (MobiFone Service);

Căn cứ Biên bản họp số 01/BBH-ĐHĐCĐ/2020/MFS ngày 24/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020,

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

- Tổng doanh thu: 656.424.029.837 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 30.654.877.866 đồng.
- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu: 18,3%.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo Tài chính của Công ty đã kiểm toán năm 2019:**

Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2019 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán gồm một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	NỘI DUNG	SỐ LIỆU 2019
1	Tài sản tổng số Trong đó: - Tài sản ngắn hạn - Tài sản dài hạn	289.617.370.330 đồng  277.088.510.896 đồng 12.528.859.434 đồng
2	Tổng nguồn vốn Trong đó: - Nợ phải trả - Vốn chủ sở hữu	289.617.370.330 đồng  107.441.292.684 đồng 182.176.077.646 đồng
3	Doanh thu bán hàng	651.211.126.979 đồng
4	Giá vốn bán hàng	596.886.995.968 đồng
5	Chi phí bán hàng	2.127.481.797 đồng
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.176.331.043 đồng



STT	NỘI DUNG	SỐ LIỆU 2019
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	38.610.063.531 đồng
8	Lợi nhuận trước thuế	38.851.538.653 đồng
9	Lợi nhuận sau thuế	30.654.877.866 đồng
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.340

**Điều 3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về công tác quản lý năm 2019.**

**Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2019:**

**4.1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:**

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (đồng)
1	Trích thù lao cho HĐQT và BKS <sup>(1)</sup>	432.000.000
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (25%)	7.663.719.467
3	Trích quỹ đầu tư phát triển (20%)	6.130.975.573

*(1) Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2019:*

Tổng mức thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2019 là: 432.000.000 đồng. Trong đó, mức thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2019 được phân phối cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT hưởng mức thù lao là: 7.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT hưởng mức thù lao là: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát hưởng mức thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng.

**4.2. Phương án chi trả cổ tức năm 2019:**

- Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, tỷ lệ chi trả: 25% vốn góp của chủ sở hữu.
- Nguồn chi trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Điều 5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2020
1	Tổng doanh thu	687.414
2	Doanh thu hợp nhất	329.175
3	Lợi nhuận sau thuế	30.680
4	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	> 1

**Điều 6. Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2020 là 25%.**

**Điều 7. Bổ sung ngành nghề kinh doanh:**

**7.1. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bổ sung ngành nghề kinh doanh):**

- Bổ sung 01 ngành nghề hoạt động kinh doanh, như sau:

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề được bổ sung
1	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Điều 7, Nghị định 52/2014/NĐ – CP) (Điều 12, Nghị định 140/2018/NĐ – CP)

- Ngành nghề kinh doanh sau khi bổ sung, cập nhật như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành nghề chính
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810	
2	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ gọi tự do; - Dịch vụ gọi giá cao; - Dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn; - Các dịch vụ điện thoại và nhắn tin khác trên mạng viễn thông di động; - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; - Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; - Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động; - Dịch vụ tối ưu hóa mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Cung cấp truy cập internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập internet quay số (dial up). - Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet). - Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ). - Kinh doanh dịch vụ viễn thông, kinh doanh hàng hóa viễn thông, thiết lập mạng công cộng, thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất trong phạm vi toàn quốc.	6190	
3	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;	8220	(Chính)

26362  
NG T  
PHÂN  
KỸ TH  
BIFON  
PHỐ H

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành nghề chính
4	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310	
5	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: - Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; - Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; - Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;	3312	
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; - Lắp đặt các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin; - Dịch vụ lắp đặt, di chuyển, nâng cấp, đo kiểm, bảo dưỡng trạm BTS;	3320	
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu thiết bị viễn thông, tin học, các thiết bị văn phòng;	8299	
8	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, hướng nghiệp dạy nghề trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, tin học, bưu chính viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	8559	
9	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, tin học, bưu chính viễn thông; - Dịch vụ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực viễn thông;	7490	
10	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: Sản xuất vật tư, máy móc thiết bị tin học;	2620	
11	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm phần mềm tin học;	6209	
12	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn lập, quản lý các dự án đầu tư các công trình bưu chính viễn thông, giao thông, dân dụng; - Giám sát thi công xây dựng: loại công trình giao thông cầu, đường bộ; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; - Thiết kế công trình đường bộ;	7110	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành nghề chính
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; - Buôn bán các thiết bị văn phòng;	4659	
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp các công trình điện đến 35KV; - Xây dựng các công trình viễn thông, cột cao an ten;	4299	
15	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;	4652	
16	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hoá;	4610	
17	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông	7730	
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229	
19	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010	
20	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129	
21	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
22	Đại lý du lịch	7911	
23	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990	
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
26	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230	
27	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211	
28	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ thư ký;	8219	
29	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông;	6399	
30	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành nghề chính
	Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm;		
31	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312	
32	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Điều 7, Nghị định 52 /2014/NĐ – CP) (Điều 12, Nghị định 140/2018/NĐ- CP)	7830	

### 7.1. Sửa đổi Điều lệ Công ty:

Điều lệ Công ty được sửa đổi phù hợp với nội dung thay đổi Đăng ký kinh doanh. Nội dung được sửa đổi trong Điều lệ Công ty là: Điều 3 – Khoản 1: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

### Điều 8. Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2018 – 2023):

Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2018 – 2023) đối với Bà Phạm Thị Thu Hằng.

### Điều 9. Bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2018 – 2023):

Thông qua việc bầu bổ sung Ông Lê Đức Mạnh – Chuyên viên Ban Kế toán – Tổng công ty Viễn thông MobiFone là Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2018 – 2023).

### Điều 10. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết nhất trí là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nghị quyết này gồm 06 (sáu) trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật MobiFone vào hồi 11 giờ 55 phút cùng ngày.

### Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty.
- Các thành viên HĐQT, BKS.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Lưu VT.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHU TỌA



Tường Duy Phúc